

Số: 0829/2024/CV-ADG  
V/v giải trình BCTC riêng giữa niên độ  
đã được soát xét kỳ 6 tháng năm 2024

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Clever Group (Mã chứng khoán: ADG) (sau đây gọi tắt là "Công Ty") xin được gửi lời chào trân trọng tới Quý Cơ quan.

Công Ty xin giải trình các nội dung liên quan đến Báo cáo tài chính (sau đây gọi tắt là "BCTC") riêng và hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam – Chi nhánh Miền Bắc như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau soát xét từ 5% trở lên:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Trước soát xét	Sau soát xét	Chênh lệch	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.372.156.325	3.838.119.116	-1.534.037.209	-29%
Chi phí tài chính	875.108.745	2.935.642.026	2.060.533.281	235%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	6.519.272.511	4.582.305.284	-1.936.967.227	-30%

Nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trước và sau soát xét chủ yếu đến từ việc điều chỉnh tăng các khoản chi phí tài chính. Cụ thể:

Công Ty đã thực hiện trích lập bổ sung khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn là 2.105.906.133 VNĐ (tăng 15% so với khoản trích lập trước soát xét). Khoản trích lập được thực hiện trên cơ sở dự phòng tổn thất có thể xảy ra do suy giảm giá trị của khoản đầu tư vào 2 công ty con là Công ty cổ phần Trực tuyến CleverX và Công ty cổ phần Công nghệ quảng cáo AdTech, do trong kỳ báo cáo các công ty này đã thông báo về việc giải thể doanh nghiệp (Thông báo ngày 13/5/2024).

Khoản trích lập dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính phát sinh trong kỳ. Chi phí tài chính tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận trước và sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công Ty cũng bị giảm tương ứng. Điều này dẫn đến sự chênh lệch về lợi nhuận trước và sau khi soát xét như đã đề cập tại bảng trên.

2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	6 tháng năm 2024	6 tháng năm 2023	Tỷ lệ thay đổi
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	161.693.070.963	143.861.457.938	12%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.838.119.116	4.284.320.772	-10%



Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2024 bị ảnh hưởng bởi những yếu tố sau đây:

- Sự tăng trưởng về doanh thu: Doanh thu trong Quý 1/2024 được giữ ở mức ổn định và không có sự thay đổi nhiều so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, ở Quý 2/2024, hoạt động kinh doanh ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ khi tăng 54% so với Quý trước, và 22,3% so với Quý 2/2023. Do đó, tổng kết hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2024 tương đối khả quan (tăng 12,39%).

- Sự thay đổi về giá vốn và chi phí: Doanh thu tăng đã kéo theo giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng tăng theo. Tuy nhiên trong kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2024, Công Ty đã tối ưu hiệu quả chi phí lãi vay và chi phí quản lý doanh nghiệp khi các chi phí này giảm lần lượt 45% và 24% so với 6 tháng đầu năm 2024.

- Mặc dù doanh thu tăng và đã tối ưu được các chi phí, tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2024 vẫn giảm 10% so với cùng kỳ năm ngoái, do tăng chi phí tài chính (tăng khoản trích lập dự phòng đầu tư thêm hơn 2,1 tỷ nhằm dự phòng tổn thất do suy giảm giá trị đầu tư vào 02 công ty con đang tiến hành giải thể). Khoản tăng chi phí này đã làm ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm của Công Ty.

### **3. Về vấn đề cần nhấn mạnh của đơn vị kiểm toán – Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam – Chi nhánh Miền Bắc**

Nội dung nhấn mạnh: “ Không nhằm phủ định kết luận của kiểm toán nêu trên, chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến mục 5.2 trong Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đang sở hữu lô trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An với số dư tại thời điểm 30/06/2024 là 50.000.000.000 đồng. Các lô trái phiếu có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm. Tuy nhiên trong kỳ, Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An đã chậm thanh toán lãi của lô trái phiếu này. Công ty này hiện đang bị phong tỏa tài sản đảm bảo của lô trái phiếu nêu trên để phục vụ điều tra do có liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát. Hiện tại vụ án nêu trên mới xét xử xong giai đoạn một và đang trong quá trình điều tra để xét xử theo giai đoạn hai liên quan đến các trái phiếu doanh nghiệp.

*Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.”*

Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An được phát hành cho mục đích đầu tư, phát triển Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Việt Phát, tại xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Tài sản bảo đảm của lô trái phiếu là Động Sản và Bất Động Sản liên quan tới và/hoặc phát sinh từ Khu đất thuộc Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Việt Phát tại xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 015123 do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/09/2009. Tài sản đảm bảo được quản lý bởi Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Ngày 09/8/2022, Công ty đã mua 500.000 trái phiếu theo mệnh giá là 100.000 đồng/Trái phiếu với tổng giá trị giao dịch là 50.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại, tài sản bảo đảm hiện đang được cơ quan chức năng phong tỏa để phục vụ điều tra do có liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát. Do đó, Công ty chưa nhận được tiền lãi trái phiếu theo đúng kỳ hạn cam kết.

Trên đây là nội dung giải trình của Công Ty về BCTC riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/6/2024. Chúng tôi cam kết thông tin trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu CT.

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Nguyễn Khánh Trinh*



CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024



**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 – 36

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty cổ phần Clever Group (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024.

### **CÔNG TY**

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103036173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102850165 thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 20 ngày 16/12/2022 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/12/2022 là 213.805.210.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười ba tỷ tám trăm linh năm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên
Ông Trần Đông Âu	Thành viên
Ông Lee SangSeok	Thành viên
Ông Trần Anh Nam	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quang Quốc Phương	Thành viên độc lập

#### **Ban Điều hành**

Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Giám đốc
Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Bà Trần Thị Minh Tinh	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Ngày 08/07/2024, Công ty đã có Nghị quyết số 07/2024/NQ/HĐQT.ADG của Hội đồng quản trị về việc đầu tư vào các công ty với các nội dung sau: Góp vốn vào Công ty cổ phần Adela Building với tổng số vốn đầu tư là 3.000.000.000 đồng và sở hữu 12% vốn điều lệ tại công ty nêu trên; Góp vốn thành lập công ty con là Công ty cổ phần Địa ốc Thông minh với số vốn góp là 28.000.000.000 đồng và sở hữu 65,041% vốn điều lệ tại công ty con nêu trên.

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024.



## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng và đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,

  
Chức vụ  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CLEVER GROUP  


**Nguyễn Khánh Trinh**

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Số: 49/2024/BCSX – CPAMB1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Điều hành**  
**Công ty cổ phần Clever Group**

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Clever Group được lập ngày 29/08/2024, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Clever Group tại ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.





**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không nhằm phủ định kết luận của kiểm toán nêu trên, chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến mục 5.2 trong Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đang sở hữu lô trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An với số dư tại thời điểm 30/06/2024 là 50.000.000.000 đồng. Các lô trái phiếu có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm. Tuy nhiên trong kỳ, Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An đã chậm thanh toán lãi của lô trái phiếu này. Công ty này hiện đang bị phong tỏa tài sản đảm bảo của lô trái phiếu nêu trên để phục vụ điều tra do có liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát. Hiện tại vụ án nêu trên mới xét xử xong giai đoạn một và đang trong quá trình điều tra để xét xử theo giai đoạn hai liên quan đến các trái phiếu doanh nghiệp.

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.



**Nguyễn Thị Thu Hà**

**Phó Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1387-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2024	01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>226.097.122.854</b>	<b>213.870.583.027</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>17.257.707.398</b>	<b>13.113.623.113</b>
1. Tiền	111		17.257.707.398	13.113.623.113
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>148.126.432.578</b>	<b>137.790.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		148.126.432.578	137.790.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>51.302.712.915</b>	<b>61.182.182.259</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	42.069.199.400	51.244.145.381
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	553.229.738	1.033.080.804
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	2.500.000.000	2.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	6.458.867.492	7.262.585.745
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.7	(278.583.715)	(357.629.671)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.8	<b>9.353.661.783</b>	<b>1.741.593.022</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.353.661.783	1.741.593.022
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>56.608.180</b>	<b>43.184.633</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	56.608.180	43.184.633
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>165.031.170.312</b>	<b>176.514.366.628</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.010.000.000</b>	<b>5.010.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	5.010.000.000	5.010.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.596.343.608</b>	<b>8.117.557.051</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	6.584.742.123	4.832.173.610
- Nguyên giá	222		16.613.647.182	14.149.791.182
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.028.905.059)	(9.317.617.572)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	3.011.601.485	3.285.383.441
- Nguyên giá	228		4.380.511.265	4.380.511.265
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.368.909.780)	(1.095.127.824)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	5.13	<b>55.252.143.794</b>	<b>43.883.603.675</b>
- Nguyên giá	231		55.252.143.794	43.883.603.675
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>40.216.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	-	40.216.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>94.793.845.178</b>	<b>119.274.683.889</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		49.676.039.000	49.676.039.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.219.693.080	4.219.693.080
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(16.226.995.902)	(14.121.089.769)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		57.125.109.000	79.500.041.578
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>378.837.732</b>	<b>188.306.013</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	378.837.732	188.306.013
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>391.128.293.166</b>	<b>390.384.949.655</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2024	01/01/2024
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>80.803.966.724</b>	<b>83.898.742.329</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>80.803.966.724</b>	<b>83.898.742.329</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	21.368.052.712	21.615.499.320
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	10.914.637.506	6.278.312.139
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	4.541.324.102	9.698.304.573
4. Phải trả người lao động	314		1.594.540.870	1.678.435.481
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	885.930.113	868.171.942
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	666.470.861	838.093.857
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	40.833.010.560	42.921.925.017
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>310.324.326.442</b>	<b>306.486.207.326</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.20	<b>310.324.326.442</b>	<b>306.486.207.326</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		213.805.210.000	213.805.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		213.805.210.000	213.805.210.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.940.000	34.940.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96.484.176.442	92.646.057.326
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		92.646.057.326	74.097.886.311
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.838.119.116	18.548.171.015
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>391.128.293.166</b>	<b>390.384.949.655</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024

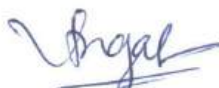
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



NGUYỄN THỊ NGÀ



NGUYỄN THỊ NGÀ



ĐỖ NỮ ĐỨC HIỀN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

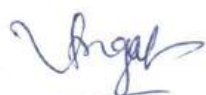
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	161.693.070.963	143.861.457.938
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>161.693.070.963</b>	<b>143.861.457.938</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	145.346.127.265	126.938.154.035
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>16.346.943.698</b>	<b>16.923.303.903</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	7.444.321.435	6.928.720.758
7. Chi phí tài chính	22	6.5	2.935.642.026	1.352.085.734
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		583.331.662	1.065.409.547
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	9.249.259.471	8.135.168.810
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	6.345.464.115	8.349.571.993
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.260.899.521</b>	<b>6.015.198.124</b>
11. Thu nhập khác	31	6.7	44.554.834	34.732.007
12. Chi phí khác	32	6.7	723.149.071	565.190.869
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(678.594.237)</b>	<b>(530.458.862)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.582.305.284</b>	<b>5.484.739.262</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	744.186.168	1.200.418.490
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>3.838.119.116</b>	<b>4.284.320.772</b>

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ NGA

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ NGA

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Giám đốc



ĐỖ NỮ ĐỨC HIỀN



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp gián tiếp)***Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>4.582.305.284</b>	<b>5.484.739.262</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	985.069.443	1.002.224.388
- Các khoản dự phòng	03	2.026.860.177	(64.952.199)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	272.088.016	(102.002.542)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.236.003.149)	(6.825.946.342)
- Chi phí lãi vay	06	583.331.662	1.065.409.547
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.213.651.433</b>	<b>559.472.114</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	9.399.311.261	69.424.026.417
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(7.612.068.761)	(2.504.748.702)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.334.021.194	(24.246.485.933)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(203.955.266)	(414.202.787)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(565.123.393)	(1.030.136.169)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.394.928.236)	(5.150.922.347)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>170.908.232</b>	<b>36.637.002.593</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(23.787.928.824)	(29.213.879.040)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	10.050.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(118.285.000.000)	(116.188.570.152)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	129.823.500.000	66.233.011.537
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.240.955.893	6.380.524.925
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>6.041.527.069</b>	<b>(72.788.912.730)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	110.948.914.795	116.913.183.955
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(113.037.829.252)	(89.143.734.149)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.088.914.457)</b>	<b>27.769.449.806</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>4.123.520.844</b>	<b>(8.382.460.332)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.113.623.113	17.152.870.544
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	20.563.441	50.493.639
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>17.257.707.398</b>	<b>8.820.903.851</b>

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ NGA

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ NGA

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Giám đốc



ĐÓN NỮ ĐỨC HIỀN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103036173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102850165 thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 20 ngày 16/12/2022 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/12/2022 là 213.805.210.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười ba tỷ tám trăm linh năm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2024 là 165 người; cán bộ quản lý là 05 người (Tại ngày 31/12/2023, tổng số cán bộ nhân viên là 171 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

Hoạt động của Công ty bao gồm:

- *Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính;*
- *Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (Trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);*
- *Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý;*
- *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex.*

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>		(%)	(%)	
1. Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Dịch vụ quảng cáo
2. Công ty cổ phần Review Thông Minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo
3. Công ty TNHH Quảng cáo Thông Minh Myanmar	Myanmar	99	99	Dịch vụ quảng cáo
4. Công ty cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)****1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>		(%)	(%)	
5. Công ty cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
6. Công ty cổ phần Công nghệ quảng cáo ADTech (i)	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hóa doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
7. Công ty cổ phần Trực tuyến Clever X (i)	Việt Nam	75	75	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khách liên quan đến vận tải, lập trình máy vi tính, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, công thông tin, dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
8. Công ty cổ phần Cmetric	Việt Nam	88,33	88,33	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
9. Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Việt Nam	97,5	97,5	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
10. Công ty cổ phần AGLOBAL	Việt Nam	85	85	Công thông tin (trừ hoạt động báo chí) chi tiết thiết lập mạng xã hội, dịch vụ thương mại điện tử
11. Công ty CLEVERADS PHILIPPINES	Philippines	55	55	Dịch vụ quảng cáo
<b>Công ty liên kết</b>				
1. Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo Thông Minh	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động
2. Công ty TNHH ADOP Vietnam (i)	Việt Nam	40	40	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
3. Công ty TNHH VKIDS VN	Việt Nam	39	38	Xuất bán phần mềm
4. Công ty CP công nghệ Lazi	Việt Nam	48,8	38	Quảng cáo
5. Công ty CP TECHCEN (ii)	Việt Nam	29,3	29	Lập trình máy vi tính

(i) Công ty TNHH ADOP Vietnam, Công ty CP Trực tuyến Clever X và Công ty CP công nghệ quảng cáo ADTECH đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

(ii): Công ty CP TECHCEN đã hoàn tất thủ tục giải thể và có thông báo giải thể của Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội vào ngày 13/05/2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)****1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30/06/2024 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh	Tòa nhà Orchard Garden, số 128 đường Hồng Hà, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại TP Đà Nẵng	Tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ tài chính 06 tháng từ ngày 01/01 đến ngày 30/06.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Hồ Chí Minh và Báo cáo tài chính của Văn phòng Hà Nội. Các giao dịch nội bộ và số dư giữa Văn phòng Hà Nội với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc kế toán Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng chưa được nghiệm thu. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành giá vốn phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao</i>
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 08 năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 18 đến 36 tháng.

***Tiền thuê văn phòng trả trước***

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả cho phần diện tích Công ty đang thuê. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian trả trước.

***Các chi phí trả trước khác***

Chi phí trả trước khác bao gồm cước phí internet; chi phí thuê dịch vụ máy chủ; chữ ký số và cước đường bộ được phân bổ trong thời gian 06 tháng và 24 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả cuối kỳ là các khoản lãi vay và chi phí thuê văn phòng phải trả.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và doanh thu khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo và doanh thu chuyển nhượng bất động sản đầu tư.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu chuyển nhượng bất động sản đầu tư***

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ đã cung cấp và giá vốn chuyển nhượng bất động sản trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	8.787.682.768	1.704.798.735
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.470.024.630	11.408.824.378
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Tổng</b>	<b>17.257.707.398</b>	<b>13.113.623.113</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>148.126.432.578</b>	<b>148.126.432.578</b>	<b>137.790.000.000</b>	<b>137.790.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	129.405.000.000	129.405.000.000	137.790.000.000	137.790.000.000
- Trái phiếu (i)	18.721.432.578	18.721.432.578	-	-
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Glory (1)</i>	18.721.432.578	18.721.432.578	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>57.125.109.000</b>	<b>57.125.109.000</b>	<b>79.500.041.578</b>	<b>79.500.041.578</b>
- Trái phiếu (i)	57.125.109.000	57.125.109.000	79.500.041.578	79.500.041.578
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Glory (1)</i>	2.387.808.000	2.387.808.000	24.512.740.578	24.512.740.578
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Tân Thành Long An (2)</i>	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
<i>Công ty CP Đầu tư năng lượng Nam Phương (3)</i>	4.737.301.000	4.737.301.000	4.987.301.000	4.987.301.000
<b>Tổng</b>	<b>205.251.541.578</b>	<b>205.251.541.578</b>	<b>217.290.041.578</b>	<b>217.290.041.578</b>

(i): Các khoản đầu tư trái phiếu có kỳ hạn nắm giữ còn lại dưới 12 tháng được phân loại vào ngắn hạn và các khoản có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng được phân loại vào dài hạn với lãi suất đầu tư từ 8% - 11,123%/năm. Các khoản trái phiếu sẽ được nắm giữ đến ngày đáo hạn; chi tiết như sau:

(1): Trái phiếu của Công ty TNHH Saigon Glory có kỳ hạn 03 năm, ngày phát hành 18/06/2020 và 28/07/2020, ngày đáo hạn 18/06/2023 và 28/07/2023; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất đầu tư từ 10,869%/năm đến 12,024%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ phần vốn góp của Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO vào Công ty TNHH Saigon Glory với giá trị phần vốn góp là 7.000.000.000.000 VND (chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ) và tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai của dự án thành phố The Spirit of Saigon (bao gồm các tài sản thuộc Tháp A cấu phần khu văn phòng và khách sạn) được quản lý bởi ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Theo nghị quyết người sở hữu trái phiếu SGL ngày 05/02/2024, các lô trái phiếu từ SGL-2020.01 đến SGL-2020.03 có ngày đáo hạn là tháng 6/2023 sẽ gia hạn đến tháng 06/2025, lô trái phiếu SGL-2020.04 và SGL-2020.05 có ngày đáo hạn là tháng 7/2023 sẽ gia hạn đến tháng 07/2025; 05 lô trái phiếu còn lại từ SGL-2020.06 đến SGL-2020.10 có ngày đáo hạn là tháng 8/2025 sẽ gia hạn đến tháng 11/2026. Trong thời gian gia hạn, các lô trái phiếu áp dụng lãi suất 8%/năm; kỳ hạn tính lãi đổi thành 12 tháng/kỳ kể từ ngày gia hạn.

(2): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng 2.901.992 m<sup>2</sup> đất tại xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thời hạn sử dụng đến 30/03/2056 của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/09/2009. Tài sản đảm bảo được quản lý bởi ngân hàng TMCP Sài Gòn.

(3): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư năng lượng Nam Phương có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 23/08/2021, ngày đáo hạn 23/08/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11,123%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền khai thác quặng sắt tại Dự án Khai thác và tuyển quặng sắt Mô sắt Ba Hôn - Làng Léch, xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo giấy phép khai thác khoáng sản số 1408/GP-BTNMT cấp ngày 29/08/2012 của Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai với tổng nguyên giá là 30.000.000.000 VND và phần chi tiết TSCĐ thuộc sở hữu của Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai với tổng nguyên giá là 30.000.000.000 VND (chiếm 3,2% vốn điều lệ). Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh công ty con, công ty liên kết trong kỳ:

Công ty con/Công ty liên kết	Kết quả hoạt động kinh doanh
<b>Các công ty con</b>	
1. Công ty PT CleverAds	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
2. Công ty CP Review Thông minh	Hoạt động kinh doanh có lãi
3. Công ty CP Orion Media	Hoạt động kinh doanh có lãi
4. Công ty CP Truyền thông NAH	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
5. Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	Đang trong quá trình giải thể doanh nghiệp
6. Công ty CP Trực tuyến CleverX	Đang trong quá trình giải thể doanh nghiệp
7. Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Hoạt động kinh doanh có lãi
8. Công ty CP CMetric	Hoạt động kinh doanh có lãi
9. Công ty cổ phần AGLOBAL	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
10. Công ty CLEVERADS PHILLIPINE	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
11. Công ty TNHH Quảng Cáo thông minh Myanmar	Chưa hoạt động
<b>Các công ty liên kết</b>	
12. Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
13. Công ty TNHH ADOP Vietnam	Đang trong quá trình giải thể doanh nghiệp



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

## 5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

## b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

	Tỷ lệ		30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc
<b>Đầu tư vào công ty con</b>			<b>49.676.039.000</b>		<b>(15.791.756.205)</b>	<b>49.676.039.000</b>
- Công ty PT CleverAds	95%	95%	3.351.315.000		(3.351.315.000)	(13.685.850.072)
- Công ty CP Review Thông minh	70%	70%	12.950.000.000		-	(3.351.315.000)
- Công ty CP Orion Media	77%	77%	8.316.000.000		(7.389.846.788)	-
- Công ty CP Truyền thông NAH	72%	72%	740.564.000		-	(7.389.846.788)
- Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	60%	60%	600.000.000		(600.000.000)	-
- Công ty CP Trực tuyến CleverX	75%	75%	2.250.000.000		(2.250.000.000)	(744.093.867)
- Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	97,5%	97,5%	11.000.000.000		(490.758.368)	(490.758.368)
- Công ty cổ phần CMETRIC	88,33%	88,33%	7.125.000.000		(1.709.836.049)	(1.709.836.049)
- Công ty cổ phần AGLOBAL	85%	85%	425.000.000		-	-
- Công ty CLEVERADS PHILLIPINE	55%	55%	2.918.160.000		-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>			<b>4.219.693.080</b>		<b>(435.239.697)</b>	<b>4.219.693.080</b>
- Công ty CP Mạng Quảng cáo Thông minh	40%	40%	1.756.000.000		(286.104.415)	(286.104.415)
- Công ty TNHH ADOP Vietnam	40%	40%	2.463.693.080		(149.135.282)	(149.135.282)
<b>Tổng</b>			<b>53.895.732.080</b>		<b>(16.226.995.902)</b>	<b>53.895.732.080</b>
						<b>(14.121.089.769)</b>

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ tài chính do cổ phiếu và vốn của các công ty này chưa được niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
CleverAds Philippines Corporation	2.840.814.626	2.840.814.626
Tổng công ty hàng không Việt Nam	6.297.424.110	7.986.987.180
Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Quốc tế Sài Gòn	540.000.000	864.000.000
Công ty TNHH Đại học RMIT Việt Nam	2.812.757.672	-
Công ty TNHH Phát triển công nghiệp ô tô Việt Nam	2.253.508.001	232.000.000
Công ty PT CleverAds	6.652.316.425	6.560.523.711
Công ty cổ phần NOVAREAL	4.231.869.649	4.231.869.649
Công ty TNHH Giải trí viễn đông	50	1.323.021.166
Công ty TNHH Tư vấn và ĐT y tế Quốc tế	486.000.000	1.320.000.000
Công ty CP Đầu tư VAM	634.744.603	1.061.291.218
Công ty CP CMETRIC	1.565.908	468.903.154
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Thời Đại	272.045.157	427.997.657
Công ty TNHH AEONMALL Long Biên	-	932.201.838
Công ty TNHH PP THACO AUTO	-	708.300.000
Công ty TNHH Nha khoa KIM	-	1.879.818.221
Công ty cổ phần TIKI	-	3.637.513.934
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	5.018.004.092	-
Công ty CP Pico Retail	725.487.841	-
Trường cao đẳng Dược Hà Nội	707.653.600	-
Các khách hàng khác	8.595.007.666	16.768.903.027
<b>Tổng</b>	<b>42.069.199.400</b>	<b>51.244.145.381</b>

*Trong đó:*

<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	<b>9.803.264.834</b>	<b>11.162.785.822</b>
--	----------------------	-----------------------

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty CP Kiến trúc XD 88 Việt Nam	-	600.000.000
Công ty TNHH Kiến trúc XD Mộc Xanh	253.671.264	197.299.872
Công ty CP Quản lý và khai thác tòa nhà VNPT	-	72.000.000
Công ty CP Giải pháp truyền thông số Lionise Media	80.287.200	-
Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Kitook	62.883.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Gia Cát Group	50.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	106.388.274	163.780.932
<b>Tổng</b>	<b>553.229.738</b>	<b>1.033.080.804</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.5 Phải thu về cho vay**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
Công ty cổ phần công nghệ PIHOME	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ KT điện và xúc tiến thương mại (i)	-	1.500.000.000
Ông Tạ Văn Tiến	2.000.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

(i): Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo; khoản vay có thời hạn từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày vay, có lãi suất cho vay từ 5%/năm đến 10%/năm.

**5.6 Các khoản phải thu khác**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.458.867.492</b>	<b>7.262.585.745</b>
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	2.342.388.754	2.938.675.875
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.122.032.041	3.210.511.972
- Lãi dự thu trái phiếu	-	-
- Lãi dự thu từ các khoản cho vay	249.729.590	220.453.698
- Phải thu tạm ứng	-	-
- Phải thu khác	1.744.717.107	892.944.200
+ Tiền đặt cọc mua lô đất Đà Nẵng	1.000.000.000	-
+ Phải thu thuế GTGT nhà thầu tháng 12	743.023.107	891.058.200
+ Phải thu khác	1.694.000	1.886.000
<b>Dài hạn</b>	<b>5.010.000.000</b>	<b>5.010.000.000</b>
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	5.010.000.000	5.010.000.000
<b>Tổng</b>	<b>11.468.867.492</b>	<b>12.272.585.745</b>

(i) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng được Công ty sử dụng để cầm cố tại thời điểm 30/06/2024 cho mục đích bảo đảm khoản vay tại các Ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 5.17 và các khoản đặt cọc thuê văn phòng; ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Chi tiết như sau:

- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng CitiBank với tổng giá trị cầm cố là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 0,05%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng CitiBank.
- Các khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 665.036.204 đồng.
- Các khoản bảo lãnh đảm bảo hợp đồng với số tiền là 677.352.550 đồng.

(ii) Số dư cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn phản ánh trái phiếu dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được Công ty sử dụng để cầm cố tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho mục đích bảo đảm khoản vay tại ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 5.17. Chi tiết bao gồm:

- Trái phiếu mã số CTG1929T2/01\_270 với giá trị ghi sổ tại 30/06/2024 là 5.010.000.000 VND, lãi suất 6,725%/năm; kỳ hạn 10 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.7 Nợ xấu**

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41.454.545	-	41.454.545	-
Công ty TNHH GOGALA	37.433.932	-	49.745.079	-
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt Thự	53.745.958	-	53.745.958	-
Công ty TNHH ILA Việt Nam	-	-	66.734.809	-
Công ty TNHH quảng cáo truyền thông Minh Thành Phát	145.949.280	-	145.949.280	-
<b>Tổng</b>	<b>278.583.715</b>	<b>-</b>	<b>357.629.671</b>	<b>-</b>

**5.8 Hàng tồn kho**

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang	9.353.661.783	-	1.741.593.022	-
<b>Tổng</b>	<b>9.353.661.783</b>	<b>-</b>	<b>1.741.593.022</b>	<b>-</b>

**5.9 Chi phí trả trước**

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	<b>Ngắn hạn</b>	<b>56.608.180</b>		<b>43.184.633</b>
- Chi phí thuê văn phòng	40.454.333		40.454.333	
- Thuê chỗ đặt máy chủ	7.200.000		-	
- Công cụ dụng cụ phân bổ	421.212		2.730.300	
- Chi phí trả trước khác	8.532.635		-	
<b>Dài hạn</b>	<b>378.837.732</b>		<b>188.306.013</b>	
- Công cụ dụng cụ phân bổ	311.937.389		171.549.851	
- Cước internet, thuê chỗ đặt máy chủ	14.760.000		-	
- Chi phí trả trước dài hạn khác	52.140.343		16.756.162	
<b>Tổng</b>	<b>435.445.912</b>		<b>231.490.646</b>	

**5.10 Tài sản dở dang dài hạn**

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	<b>Đầu tư mua sắm tài sản cố định</b>	<b>-</b>		<b>40.216.000</b>
- Chi phí sửa chữa văn phòng	-		40.216.000	
<b>Tổng</b>	<b>-</b>		<b>40.216.000</b>	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.11 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Nhà cửa VKT</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2024	-	13.813.197.727	336.593.455	14.149.791.182
Mua trong kỳ	-	2.463.856.000	-	2.463.856.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>-</b>	<b>16.277.053.727</b>	<b>336.593.455</b>	<b>16.613.647.182</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2024	-	8.981.024.117	336.593.455	9.317.617.572
Khấu hao trong kỳ	-	711.287.487	-	711.287.487
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>-</b>	<b>9.692.311.604</b>	<b>336.593.455</b>	<b>10.028.905.059</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2024	-	4.832.173.610	-	4.832.173.610
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>-</b>	<b>6.584.742.123</b>	<b>-</b>	<b>6.584.742.123</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/06/2024 là 7.066.917.909 VND (ngày 31/12/2023: 7.066.917.909 VND).

**5.12 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Quyền SD đất</i>	<i>Bảng phát minh sáng chế</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Tổng</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2024	-	-	4.380.511.265	4.380.511.265
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.380.511.265</b>	<b>4.380.511.265</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2024	-	-	1.095.127.824	1.095.127.824
Khấu hao trong kỳ	-	-	273.781.956	273.781.956
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.368.909.780</b>	<b>1.368.909.780</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2024	-	-	3.285.383.441	3.285.383.441
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.011.601.485</b>	<b>3.011.601.485</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.13 Tăng giảm bất động sản đầu tư**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
<b>BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ</b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>43.883.603.675</b>	<b>21.364.288.824</b>	<b>(9.995.748.705)</b>	<b>55.252.143.794</b>
Nhà và quyền sử dụng đất	43.883.603.675	21.364.288.824	(9.995.748.705)	55.252.143.794
<b>TỶN THẤT DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ</b>	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	<b>43.883.603.675</b>	<b>21.364.288.824</b>	<b>(9.995.748.705)</b>	<b>55.252.143.794</b>
Nhà và quyền sử dụng đất	43.883.603.675	21.364.288.824	(9.995.748.705)	55.252.143.794

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá là sản văn phòng tầng 11 tại C1 tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội; biệt thự B8 -12 Dự án khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã Tiên Xuân, huyện Thạch Thất, Hà Nội và biệt thự số C 727 Dự án công viên Đại dương Hạ Long tại TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

**5.14 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Thương mại TIKI		-	46.991.730	46.991.730
Meta Platforms Ireland Limited	15.219.604.064	15.219.604.064	14.350.590.907	14.350.590.907
Google Ireland Ltd	3.604.620.204	3.604.620.204	5.536.731.325	5.536.731.325
TIKTOK PTE. Ltd	1.520.496.697	1.520.496.697	-	-
REUV CORPORATION INC	120.710.962	120.710.962	91.307.845	91.307.845
Công ty TNHH TM và Truyền thông Biên Đông	-	-	35.478.000	35.478.000
Công ty cổ phần Forza	-	-	427.377.864	427.377.864
Công ty CP MARUP	24.000.000	24.000.000	473.440.000	473.440.000
Công ty TNHH Tư vấn khởi nghiệp quốc gia	42.660.000	42.660.000	112.320.000	112.320.000
Công ty TNHH Phát triển thương mại và dịch vụ Cao Minh	102.300.934	102.300.934	123.000.000	123.000.000
Công ty TNHH TR PRODUCTIONS	-	-	134.784.000	134.784.000
Bà Mai Lệ Quyên	410.897.371	410.897.371	-	-
Các nhà cung cấp khác	322.762.479	322.762.479	283.477.649	283.477.649
<b>Tổng</b>	<b>21.368.052.712</b>	<b>21.368.052.712</b>	<b>21.615.499.320</b>	<b>21.615.499.320</b>

Trong đó:

**Phải trả người bán là các bên liên quan**  
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

**3.259.224**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.15 Người mua trả trước ngắn hạn**

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông AZ Việt Nam	776.952.000	776.952.000	977.076.000	977.076.000
Công ty CP Tập đoàn MEEY LAND	109.692.360	109.692.360	120.231.738	120.231.738
Công ty CP Truyền thông và giải trí HG Media	242.608.829	242.608.829	127.431.547	127.431.547
Công ty CP TM và SX nội thất THEONE	1.528.740.000	1.528.740.000	43.200.000	43.200.000
Công ty CP Bệnh viện mắt Ánh Sáng	50.000.000	50.000.000	388.800.000	388.800.000
Công ty N&VBridge Co., Ltd	-	-	326.960.000	326.960.000
Viện đào tạo quốc tế - Trường Đại học Thương mại	260.820.113	260.820.113	354.780.000	354.780.000
Công ty TNHH TCIE Việt Nam	-	-	204.822.000	204.822.000
Công ty TNHH Phần mềm FPT	277.765.780	277.765.780	262.287.999	262.287.999
Công ty TNHH Truyền thông đa phương tiện DIGIMOVE	813.537.836	813.537.836	25.887.031	25.887.031
Công ty TNHH Bệnh viện Hồng Ngọc	1.465.344.000	1.465.344.000	-	-
Công ty TNHH READINGGATE VIETNAM	337.265.200	337.265.200	-	-
Công ty TNHH Thiết bị chăm sóc y tế đại gia đình Phương Đông	250.000.000	250.000.000	-	-
Các khách hàng khác	4.801.911.388	4.801.911.388	3.446.835.824	3.446.835.824
<b>Tổng</b>	<b>10.914.637.506</b>	<b>10.914.637.506</b>	<b>6.278.312.139</b>	<b>6.278.312.139</b>

Trong đó:

**Phải thu khách hàng là các bên liên quan**  
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

- **63.350.865**

**5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2024
Thuế giá trị gia tăng	3.927.277.790	7.257.169.253	(8.944.173.771)	2.240.273.272
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.294.428.236	744.186.168	(3.394.928.236)	643.686.168
Thuế thu nhập cá nhân	739.035.056	447.563.460	(978.128.914)	208.469.602
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	1.737.563.491	2.573.241.019	(2.861.909.450)	1.448.895.060
<b>Tổng</b>	<b>9.698.304.573</b>	<b>11.022.159.900</b>	<b>(16.179.140.371)</b>	<b>4.541.324.102</b>

**5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
Chi phí lãi vay phải trả	18.208.269		26.944.200	
Chi phí thuê văn phòng	867.721.844		758.454.408	
Chi phí thuê ngoài của các dự án	-		82.773.334	
<b>Tổng</b>	<b>885.930.113</b>		<b>868.171.942</b>	

**5.18 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	266.392.126	266.392.126	335.546.126	335.546.126
Các khoản phải trả khác	325.385.500	325.385.500	427.854.496	427.854.496
+ Phải trả Lê Anh Quân	325.385.500	325.385.500	325.385.500	325.385.500
+ Phải trả Công ty Dược Bình Định	-	-	102.468.996	102.468.996
Nhận kỹ quỹ, ký cược	74.693.235	74.693.235	74.693.235	74.693.235
<b>Tổng</b>	<b>666.470.861</b>	<b>666.470.861</b>	<b>838.093.857</b>	<b>838.093.857</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

## 5.19 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2024 (VND)		Trong kỳ		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>38.957.159.919</b>	<b>38.957.159.919</b>	<b>78.075.911.116</b>	<b>(80.700.978.242)</b>	<b>41.582.227.045</b>	<b>41.582.227.045</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (i)	38.957.159.919	38.957.159.919	78.075.911.116	(80.700.978.242)	41.582.227.045	41.582.227.045
<b>Dư nợ tín dụng</b>	<b>1.875.850.641</b>	<b>1.875.850.641</b>	<b>32.873.003.679</b>	<b>(32.336.851.010)</b>	<b>1.339.697.972</b>	<b>1.339.697.972</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (ii)	1.116.550.291	1.116.550.291	25.422.267.543	(24.730.213.917)	424.496.665	424.496.665
Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội- CN Nam Đồng (iii)	-	-	1.504.714.485	(1.822.803.740)	318.089.255	318.089.255
Ngân hàng CitiBank, N.A - Chi nhánh Hà Nội (iv)	759.300.350	759.300.350	5.946.021.651	(5.783.833.353)	597.112.052	597.112.052
<b>Tổng</b>	<b>40.833.010.560</b>	<b>40.833.010.560</b>	<b>110.948.914.795</b>	<b>(113.037.829.252)</b>	<b>42.921.925.017</b>	<b>42.921.925.017</b>

(i) Hợp đồng cấp tín dụng số HKI-HDCTD/23071 ngày 05/7/2023, giới hạn cấp tín dụng là 70 tỷ đồng (hạn mức thế tin dụng là 15 tỷ đồng), thời hạn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (từ 05/07/2023 đến 04/07/2024). Khoản vay được giải ngân theo từng kế ước có thời hạn vay 05 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất từ 4,6% - 5,3%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay là để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của khách hàng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản của bên thứ ba.

(ii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 15.000.000.000 đồng với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 15%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.

(iii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Nam đồng, có hạn mức 1.000.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho các nhà thầu nước ngoài. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 25,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.

(iv) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng Citibank, có hạn mức 1.000.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 10 ngày kể từ ngày thông báo giao dịch hàng tháng, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 3%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Citibank với giá trị tại ngày 30/06/2024 là 1.000.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.20 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>213.805.210.000</b>	<b>34.940.000</b>	-	<b>74.097.886.311</b>	<b>287.938.036.311</b>
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu ESOP	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	18.548.171.015	18.548.171.015
Tăng khác	-	-	21.301.576	-	21.301.576
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(21.301.576)	-	(21.301.576)
<b>Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này</b>	<b>213.805.210.000</b>	<b>34.940.000</b>	-	<b>92.646.057.326</b>	<b>306.486.207.326</b>
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	3.838.119.116	3.838.119.116
Tăng khác	-	-	272.088.016	-	272.088.016
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(272.088.016)	-	(272.088.016)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>213.805.210.000</b>	<b>34.940.000</b>	-	<b>96.484.176.442</b>	<b>310.324.326.442</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Ông Nguyễn Khánh Trinh	59.828.350.000	59.828.350.000
FSN Asia Private Ltd (tên cũ là YELLO DIGITAL MARKETING GLOBAL PTE LTD )	82.859.430.000	82.859.430.000
Các cổ đông khác	71.117.430.000	71.117.430.000
<b>Tổng</b>	<b>213.805.210.000</b>	<b>213.805.210.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2024 (VND)	30/06/2023 (VND)
+ Vốn góp đầu kỳ	213.805.210.000	213.805.210.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	213.805.210.000	213.805.210.000

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.380.521	21.380.521
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.380.521	21.380.521
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	21.380.521
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.380.521	21.380.521
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	21.380.521
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cổ phiếu	

**5.21 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Tài sản thuê ngoài**

	30/06/2024	01/01/2024
Tổng số tiền thuê tối thiểu (VND) trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 01 năm trở xuống	2.837.738.944	3.067.208.816
Trên 01 năm đến 05 năm	3.968.370.693	3.592.453.924
<b>Tổng</b>	<b>6.806.109.637</b>	<b>6.659.662.740</b>

**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	6.024,15	50.517,00



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	151.643.070.963	143.861.457.938
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	10.050.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>161.693.070.963</b>	<b>143.861.457.938</b>
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	8.832.451.083	12.392.293.313

**6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	135.350.378.560	126.938.154.035
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	9.995.748.705	-
<b>Tổng</b>	<b>145.346.127.265</b>	<b>126.938.154.035</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	5.676.274.293	6.825.946.342
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	102.002.542
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	262.569.581	771.874
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.505.477.561	-
<b>Tổng</b>	<b>7.444.321.435</b>	<b>6.928.720.758</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Chi phí lãi vay	583.331.662	1.065.409.547
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	351.628.386
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	246.404.231	-
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	2.105.906.133	(64.952.199)
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Tổng</b>	<b>2.935.642.026</b>	<b>1.352.085.734</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	2.879.880.139	4.037.196.360
Chi phí đồ dùng văn phòng	36.947.730	21.220.908
Chi phí khấu hao TSCĐ	668.385.607	732.280.554
Trích lập/(Hoàn nhập) DP nợ phải thu khó đòi	(79.045.956)	-
Thuế, phí và lệ phí	10.597.816	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.304.520.878	2.291.502.877
Chi phí khác bằng tiền	524.177.901	1.260.371.294
<b>Tổng</b>	<b>6.345.464.115</b>	<b>8.349.571.993</b>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	8.855.213.779	7.842.586.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	286.221.130	258.544.168
Chi phí khác bằng tiền	107.824.562	34.038.183
<b>Tổng</b>	<b>9.249.259.471</b>	<b>8.135.168.810</b>

**6.7 Thu nhập khác và chi phí khác**

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>44.554.834</b>	<b>34.732.007</b>
- Xử lý số dư công nợ	-	60.612
- Các khoản khác	44.554.834	34.671.395
<b>Chi phí khác</b>	<b>723.149.071</b>	<b>565.190.869</b>
- Chi phí khấu hao xe không hợp lý	316.683.836	269.943.834
- Chi ủng hộ, tài trợ	-	229.508.945
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	42.842.000
- Tiền phạt thuế	6.116.365	17.842.558
- Các khoản khác	400.348.870	5.053.532
<b>Thu nhập khác/Chi phí khác (thuận)</b>	<b>(678.594.237)</b>	<b>(530.458.862)</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.947.730	21.220.908
Chi phí nhân công	16.596.223.718	16.125.457.593
Chi phí khấu hao TSCĐ	985.069.443	1.002.224.388
Trích lập/(Hoàn nhập) DP nợ phải thu khó đòi	(79.045.956)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.056.159.339	125.726.580.184
Chi phí khác bằng tiền	2.666.431.708	3.322.104.301
<b>Tổng</b>	<b>151.261.785.982</b>	<b>146.197.587.374</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	4.582.305.284	5.484.739.262
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	(861.374.446)	517.353.186
Chi phí không được trừ	723.149.071	517.353.186
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Thu nhập không chịu thuế (do đã tính vào năm trước)	(79.045.956)	-
Cổ tức nhận được của công ty con	(1.505.477.561)	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	3.720.930.838	6.002.092.448
Thu nhập tính thuế TNDN	3.720.930.838	6.002.092.448
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	744.186.168	1.200.418.490
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>744.186.168</u>	<u>1.200.418.490</u>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Các khoản cam kết**

**Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Tiền thuê 250 m<sup>2</sup> văn phòng tại Khu thương mại dịch vụ, văn phòng và căn hộ (Tòa nhà Orchard Garden) tại số 128 đường Hồng Hà, phường 09, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê quy định cụ thể cho từng giai đoạn trong hợp đồng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 05 năm tính từ ngày 01/12/2023.
- Tiền thuê 407,5 m<sup>2</sup> văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 15/07/2018. Thời hạn thuê được gia hạn thêm 03 năm tính từ ngày 28/07/2023.
- Tiền thuê 80,24 m<sup>2</sup> văn phòng tầng 6 tại tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng với giá thuê 22.066.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 22/05/2022.
- Tiền thuê 108 m<sup>2</sup> văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 20.571.055 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01/08/2018. Thời hạn thuê được gia hạn thêm 03 năm tính từ ngày 01/08/2023.
- Tiền thuê 145,45 m<sup>2</sup> văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 27.670.408 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 01/12/2020. Thời hạn thuê được gia hạn thêm 03 năm tính từ ngày 01/12/2023.

**Cam kết vốn**

Ngày 26/09/2017, Hội đồng quản trị đã phê duyệt tổng mức vốn đầu tư cho Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar là 1.138.000.000 VND. Tại ngày 30/06/2024, giá trị đã đầu tư là 0 VND và tổng giá trị đầu tư Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.138.000.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty PT CleverAds	Công ty con
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con
Công ty CP Orion Media	Công ty con
Công ty CP Truyền thông NAH	Công ty con
Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTECH (*)	Công ty con
Công ty CP Trực tuyến CleverX (*)	Công ty con
Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Công ty con
Công ty CP CMetric	Công ty con
Công ty TNHH Quảng Cáo thông minh Myanmar	Công ty con
Công ty cổ phần AGLOBAL	Công ty con
Công ty CLEVERADS PHILLIPINE	Công ty con
Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghệ Lazy	Công ty liên kết
Công ty cổ phần TECHCEN (**)	Công ty liên kết
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty FSN Asia Private Ltd	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Kho ứng dụng thông minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP Thương mại và dịch vụ chuyển phát nhanh Vietair	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

(\*): Công ty cổ phần Công nghệ quảng cáo ADTECH và Công ty CP Trực tuyến Clever X đã có thông báo giải thể từ ngày 17/05/2024 gửi Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội và đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

(\*): Công ty cổ phần TECHCEN đã hoàn tất thủ tục giải thể và có thông báo giải thể của Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội vào ngày 13/05/2024.

**a. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Kế toán trưởng**

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

		Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023
		VND	VND
Tiền lương và phụ cấp		1.759.679.222	1.956.882.979
<b>Tổng</b>		<b>1.759.679.222</b>	<b>1.956.882.979</b>
<b>Thù lao Hội đồng quản trị</b>			
Họ và tên	Chức danh	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023
		VND	VND
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch	310.000.000	310.000.000
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT/Giám đốc	551.130.000	148.982.979
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên	291.446.855	338.000.000
Ông Dư Khắc Châu	Thành viên (đã miễn nhiệm)	-	360.000.000
Ông Trần Đông Âu	Thành viên	-	-
Ông Lee SangSeok	Thành viên	-	-
Ông Trần Anh Nam	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Quang Quốc Phương	Thành viên	-	-
<b>Tổng</b>		<b>1.152.576.855</b>	<b>1.156.982.979</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

Tiền lương của Ban Giám đốc và những người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Ông Bạch Dương	Giám đốc (đã miễn nhiệm)	-	260.000.000
Bà Trần Thị Minh Tinh	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng	242.707.827	179.300.000
Bà Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng	364.394.540	360.600.000
<b>Tổng</b>		<b>607.102.367</b>	<b>799.900.000</b>

**b. Giao dịch với bên liên quan**

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
<b>Bán hàng</b>				
Công ty PT CleverAds	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.155.718.756	2.108.437.677
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.916.047.068	2.505.977.029
Công ty CP Orion Media	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	3.643.101	3.880.379
Công ty CP CMetric	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	46.634.971	-
CleverAds Philippines Corporation	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.836.923.610	4.865.055.270
Công ty cổ phần AGLOBAL	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	514.129.004	493.467.437
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	1.275.687.769	1.317.259.939
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	83.666.804	1.096.757.405
Công ty cổ phần TECHCEN	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	1.458.177
<b>Tổng</b>			<b>8.832.451.083</b>	<b>12.392.293.313</b>

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
<b>Mua hàng</b>				
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	Mua dịch vụ	1.376.377.363	1.040.589.831
Công ty CP Thương mại và dịch vụ CPN Vietair	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Mua dịch vụ	22.814.247	-
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Mua biệt thự	-	29.213.879.040
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Trả tiền mua biệt thự	-	27.400.000.000

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
<b>Phải thu khác</b>				
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Thu tiền chuyển nhượng trái phiếu	-	20.900.000.000
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Hoàn ứng	-	3.800.000.000
Ông Bạch Dương	Giám đốc	Hoàn ứng	-	2.500.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024**

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**c. Số dư với các bên liên quan**

Các bên có liên quan		Mối quan hệ	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			<b>9.803.264.834</b>	<b>11.162.785.822</b>
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con		232.530.352	34.401.599
Công ty CP Orion Media	Công ty con		669.365	2.722.800
Công ty cổ phần JobsGO CleverAds Philippines Corporation	Cùng thành viên quản lý chủ chốt Công ty con		60.122.452	731.090.932
Công ty PT CleverAds	Công ty con		2.840.814.626	2.840.814.626
Công ty CP CMETRIC	Công ty con		6.652.316.425	6.560.523.711
Công ty CP AGLOBAL	Công ty con		1.565.908	468.903.154
Công ty CP công nghệ Lazi	Công ty con		1.612.089	74.268.000
<b>Khách hàng trả tiền trước</b>			-	<b>63.350.865</b>
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con		-	63.350.865
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>			<b>3.259.224</b>	
Công ty CP Thương mại và dịch vụ CPN Vietair	Cùng thành viên quản lý chủ chốt		3.259.224	

**7.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Ngày 08/07/2024, Công ty đã có Nghị quyết số 07/2024/NQ/HĐQT.ADG của Hội đồng quản trị về việc đầu tư vào các công ty với các nội dung sau: Góp vốn vào Công ty cổ phần Adela Building với tổng số vốn đầu tư là 3.000.000.000 đồng và sở hữu 12% vốn điều lệ tại công ty nêu trên; Góp vốn thành lập công ty con là Công ty cổ phần Địa ốc Thông minh với số vốn góp là 28.000.000.000 đồng và sở hữu 65,041% vốn điều lệ tại công ty con nêu trên.

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ ngoài sự kiện nêu trên có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

**7.4 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ NGÀ

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGÀ

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Giám đốc



ĐÔN NỮ ĐỨC HIỀN